

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC YERSIN ĐÀ LẠT NĂM 2026

I. Thông tin chung

- **Tên trường:** Đại học Yersin Đà Lạt
- **Tên viết tắt:** YersinUni
- **Tên tiếng Anh:** Yersin University
- **Mã trường:** DYD
- **Địa chỉ:** 27 Tôn Thất Tùng, P. 8, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng
- **Website:** <http://yersin.edu.vn>
- **Fanpage:** <https://www.facebook.com/YersinUniversity/>

II. Tuyển sinh đào tạo Đại học chính quy

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

1.1. Đối tượng

– Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

– Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Trường;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Trường Đại học Yersin Đà Lạt xét tuyển dựa trên 04 phương thức:

2.1. Phương thức 1 – DYD-HB1 (mã 200): Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 3 môn cả năm lớp 10, 11, 12

– Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình của 3 môn học cả năm lớp 10, 11, 12 theo tổ hợp xét tuyển (tổng điểm trung bình được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân); có cộng điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo quy định của Bộ.

– Điểm xét tuyển = ((ĐTB môn 1 Lớp 10 + Lớp 11 + Lớp 12) + (ĐTB môn 2 Lớp 10 + Lớp 11 + Lớp 12) + (ĐTB môn 3 Lớp 10 + Lớp 11 + Lớp 12))/3 \geq 18.0.

Trong đó, điểm xét tuyển ngành Điều dưỡng, Luật kinh tế ≥ 19.0 ; ngành Y khoa, Dược học ≥ 22.0 .

Ghi chú:

- Điểm của môn Toán hoặc Ngữ Văn theo tổ hợp xét tuyển phải đạt từ 1/3 điểm xét tuyển trở lên.
- Nếu thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ để xét tuyển thì quy đổi điểm ngoại ngữ theo quy định ở mục IV dưới đây.
- Trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không học đủ 06 học kỳ cấp THPT theo năm do thay đổi lựa chọn môn học thì sử dụng kết quả học tập môn học khác gần lĩnh vực thay thế.
- Ngành Y khoa và Dược học: Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 20,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên;
- Ngành Điều dưỡng: Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên.
- Ngành Luật kinh tế: Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.
- Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026

2.2. Phương thức 2 – DYD-TN1 (mã 100): Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2026

- Điểm xét tuyển được tính theo điểm Tổ hợp môn xét tuyển.

– Thí sinh phải đạt điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Nhà trường thông báo sau khi có kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT 2026 (có cộng điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo quy định của Bộ).

Ghi chú:

– Ngành Y khoa, Dược học, Điều dưỡng, Luật kinh tế: Thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

– Ngành Kiến trúc, Thiết kế nội thất: Trường xét tuyển điểm thi môn vẽ tại các Trường có tổ chức thi môn năng khiếu.

2.3. Phương thức 3 – DYD-NL1 (mã 402): Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2026 của Đại học Quốc gia TP. HCM hoặc các trường đại học có tổ chức

– Điểm xét tuyển là điểm quy đổi về thang điểm 30 từ tổng điểm bài thi đánh giá năng lực 2026 của Đại học Quốc gia TP. HCM hoặc các trường đại học khác có tổ chức.

– Điểm quy đổi đạt từ 15 điểm trở lên; ngành Điều dưỡng và Luật kinh tế đạt từ 18đ trở lên và ngành Y khoa và Dược học đạt từ 20đ trở lên (có cộng điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo quy định của Bộ).

Ghi chú:

– Ngành Y khoa và Dược học: Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 20,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên;

– Ngành Điều dưỡng: Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên.

– Ngành Luật kinh tế: Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

– Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán,

Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026;

2.4. Phương thức 4 – DYD-TT1 (mã 301): Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường Đại học Yersin Đà Lạt xét tuyển thẳng thí sinh đủ điều kiện tuyển thẳng tại Điều 8, Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Nhà trường sẽ công bố quy tắc, mức quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh ngay sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố các số liệu thống kê về “tương quan giữa điểm các môn thi tốt nghiệp THPT với điểm trung bình các môn học ở THPT”.

4. Ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh

TT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	QUẢN TRỊ KINH DOANH <i>Gồm các chuyên ngành:</i> 1. Quản trị kinh doanh 2. Kế toán – Tài chính – Ngân hàng 3. Digital Marketing	7340101	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Văn, Toán, Anh) C01 (Văn, Toán, Lý) C04 (Văn, Toán, Địa) X02 (Toán, Văn, Tin) K01 (Toán, Tin, Anh) X25 (Toán, GDKT&PL, Anh)
2	LUẬT KINH TẾ	7380107	D01 (Văn, Toán, Anh) C03 (Văn, Toán, Sử) C04 (Văn, Toán, Địa) X01 (Toán, Văn, GDKT&PL) C00 (Văn, Sử, Địa) D14 (Văn, Sử, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh)
3	CÔNG NGHỆ SINH HỌC <i>Gồm các chuyên ngành:</i> 1. Sinh học Nông nghiệp Công nghệ cao 2. Công nghệ sinh học thực vật 3. Công nghệ vi sinh vật 4. Công nghệ Y sinh	7420201	A02 (Toán, Lý, Sinh) B00 (Toán, Hóa, Sinh) B08 (Toán, Sinh, Anh) X16 (Toán, Sinh, Công nghệ NN) X14 (Toán, Sinh, Tin) X66 (Văn, Sinh, GDKT&PL) C08 (Văn, Hóa, Sinh) D01 (Văn, Toán, Anh) B03 (Toán, Sinh, Văn)
4	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	7540101	A02 (Toán, Lý, Sinh) B00 (Toán, Hóa, Sinh) B08 (Toán, Sinh, Anh)

TT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
			X16 (Toán, Sinh, Công nghệ NN) X14 (Toán, Sinh, Tin) X66 (Văn, Sinh, GDKT&PL) C08 (Văn, Hóa, Sinh) D01 (Văn, Toán, Anh) B03 (Toán, Sinh, Văn)
5	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN <i>Gồm các chuyên ngành:</i> 1. Công nghệ phần mềm 2. Trí tuệ nhân tạo ứng dụng	7480201	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Văn, Toán, Lý) X06 (Toán, Lý, Tin) X07 (Toán, Lý, Công nghệ CN) D01 (Văn, Toán, Anh) K01 (Toán, Anh, Tin) X27 (Toán, Công nghệ CN, Anh) X56 (Toán, Tin, Công nghệ CN) X02 (Toán, Văn, Tin)
6	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	7510205	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Văn, Toán, Lý) X06 (Toán, Lý, Tin) X07 (Toán, Lý, Công nghệ CN) D01 (Văn, Toán, Anh) K01 (Toán, Anh, Tin) X27 (Toán, Công nghệ CN, Anh) X56 (Toán, Tin, Công nghệ CN) X02 (Toán, Văn, Tin)
7	KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ	7520114	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Văn, Toán, Lý) X06 (Toán, Lý, Tin) X07 (Toán, Lý, Công nghệ CN) D01 (Văn, Toán, Anh) K01 (Toán, Anh, Tin) X27 (Toán, Công nghệ CN, Anh) X56 (Toán, Tin, Công nghệ CN) X02 (Toán, Văn, Tin)
8	KIẾN TRÚC	7580101	D01 (Văn, Toán, Anh) C01 (Văn, Toán, Lý) C04 (Văn, Toán, Địa) X03 (Toán, Văn, Công nghệ CN) A01 (Toán, Lý, Anh) H01 (Toán, Văn, Vẽ) V00 (Toán, Lý, Vẽ) V02 (Toán, Anh, Vẽ)
9	THIẾT KẾ NỘI THẤT	7580108	D01 (Văn, Toán, Anh) C01 (Văn, Toán, Lý) C04 (Văn, Toán, Địa) X03 (Toán, Văn, Công nghệ CN) A01 (Toán, Lý, Anh)

TT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
			H01 (Toán, Văn, Vẽ) V00 (Toán, Lý, Vẽ) V02 (Toán, Anh, Vẽ)
10	ĐIỀU DƯỠNG	7720301	B00 (Toán, Hóa, Sinh) X15 (Toán, Sinh, Công nghệ CN) B08 (Toán, Sinh, Anh) A02 (Toán, Lý, Sinh) X14 (Toán, Sinh, Tin) D07 (Toán, Hóa, Anh) X10 (Toán, Hóa, Tin) X12 (Toán, Hóa, Công nghệ NN) A00 (Toán, Lý, Hóa)
11	DUỐC HỌC	7720201	B00 (Toán, Hóa, Sinh) X16 (Toán, Sinh, Công nghệ NN) B08 (Toán, Sinh, Anh) A02 (Toán, Lý, Sinh) X14 (Toán, Sinh, Tin) D07 (Toán, Hóa, Anh) X10 (Toán, Hóa, Tin) X12 (Toán, Hóa, Công nghệ NN) A00 (Toán, Lý, Hóa)
12	Y KHOA	7720101	B08 (Toán, Sinh, Anh) A02 (Toán, Lý, Sinh) B00 (Toán, Hóa, Sinh) X16 (Toán, Sinh, Công nghệ NN)
13	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH <i>Gồm các chuyên ngành:</i> <i>1. Quản trị Nhà hàng – Khách sạn</i> <i>2. Quản trị Lữ hành</i> <i>3. Quản trị Sự kiện</i>	7810103	D01 (Văn, Toán, Anh) D09 (Toán, Sử, Anh) D10 (Toán, Địa, Anh) C03 (Văn, Toán, Sử) C04 (Văn, Toán, Địa) D15 (Văn, Địa, Anh) D14 (Văn, Sử, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) A07 (Toán, Sử, Địa)
14	TÂM LÝ HỌC	7310401	D01 (Văn, Toán, Anh) B03 (Toán, Sinh, Văn) C02 (Văn, Toán, Hóa) B08 (Toán, Sinh, Anh) D07 (Toán, Hóa, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) X01 (Toán, Văn, GD&ĐT) X78 (Văn, GD&ĐT, Anh)
15	QUAN HỆ CÔNG CHÚNG <i>Gồm các chuyên ngành:</i> <i>1. Thiết kế đồ họa truyền thông</i>	7320108	D01 (Văn, Toán, Anh) C01 (Văn, Toán, Lý) C03 (Văn, Toán, Sử) C04 (Văn, Toán, Địa) X02 (Toán, Văn, Tin) C00 (Văn, Sử, Địa) X01 (Toán, Văn, GD&ĐT)

TT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
16	NGÔN NGỮ ANH <i>Gồm các chuyên ngành:</i> 1. Ngôn ngữ Anh 2. Tiếng Anh Du lịch 3. Tiếng Anh thương mại	7220201	D14 (Văn, Sử, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh) D11 (Văn, Lý, Anh) D01 (Văn, Toán, Anh) X79 (Văn, Tin, Anh) X78 (Văn, GDKT&PL, Anh) X25 (Toán, GDKT&PL, Anh) A01 (Toán, Lý, Anh)
17	ĐÔNG PHƯƠNG HỌC <i>Gồm các chuyên ngành:</i> 1. Hàn Quốc 2. Nhật Bản 3. Trung Quốc	7310608	D01 (Văn, Toán, Anh) D14 (Văn, Sử, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh) D11 (Văn, Lý, Anh) X78 (Văn, GDKT&PL, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) C03 (Văn, Toán, Sử) C04 (Văn, Toán, Địa)

5. Chính sách tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, quy đổi điểm tiếng anh

5.1. Thí sinh xét tuyển vào Trường Đại học Yersin Đà Lạt được áp dụng các chính sách tuyển thẳng, ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2. Quy định về môn ngoại ngữ thay thế

Đối với thí sinh thi môn ngoại ngữ được chọn xét tuyển chứng chỉ ngoại ngữ thay thế theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo:

STT	ĐIỂM CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH				ĐIỂM QUY ĐỔI TUYỂN SINH
	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS	CEFR	
1	420 – 449	30 – 35	4.0	B1	7.5
2	450 – 479	35 – 39	4.5	B1	8.0
3	480 – 499	40 – 45	5.0	B1	8.5
4	500 – 529	46 – 61	5.5	B2	9.0
5	530 – 549	62 – 77	6.0	B2	9.5
6	>= 550	>= 78	>= 6.5	C1	10.0

